

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 35/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Anh Cao Văn K, sinh ngày 12/8/1982. CCCD số 040082014086. Nơi cư trú: Thôn L, phường Q (xã Q, thị xã H cũ), tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 18/6/1988. CCCD số 040188025837. Nơi cư trú: Thôn L, phường Q (xã Q, thị xã H cũ), tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Cao Văn K và chị Nguyễn Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao con chung Cao Thanh H, sinh ngày 27/9/2018 chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Cao Văn K cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 5/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm

nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, người trực tiếp nuôi con có thể bị thay đổi theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Về tài sản: Anh K, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Anh Cao Văn K thỏa thuận chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000611 ngày 23/01/2026.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều các 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 4 - Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND phường Quỳnh Mai (nơi ĐKKH 2015);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hải Yến